TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 28 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh T, sinh năm 1997; địa chỉ: Làng Đ, xã K, tỉnh Gia Lai.

CCCD số: 064097014545 do Cục C về TTXH cấp ngày 01/09/2021.

- *Bị đơn:* Chị K, sinh năm: 2000; địa chỉ: Làng Đ, xã K, tỉnh Gia Lai.

CCCD số: 064300015782 do Bộ C1 cấp ngày 17/01/2025.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2026

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh T và chị K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh T và chị K có 02 người con chung là A N, sinh ngày 25/3/2019 và Y N1, sinh ngày 06/01/2021.

Khi ly hôn anh T và chị K thỏa thuận:

Giao cả hai cháu A N và Y N1 cho chị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị K tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2.2 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh T và chị K tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 đồng. Anh T và chị K mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh T tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị K nên anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000117 ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Hoàn trả cho anh T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai trên.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 10 - Gia Lai;
- UBND xã Kon Gang (GCN số 25 do UBND xã Đak Krong, h.Đak Đoa, t.Gia Lai cấp ngày 16/4/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Thy Thy